

WEEKLY WRAP

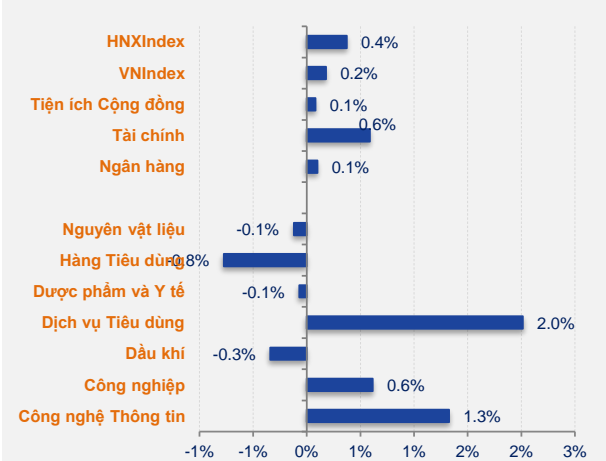
Tuần GD: 25/3/2024 - 29/3/2024

THỊ TRƯỜNG TUẦN QUA

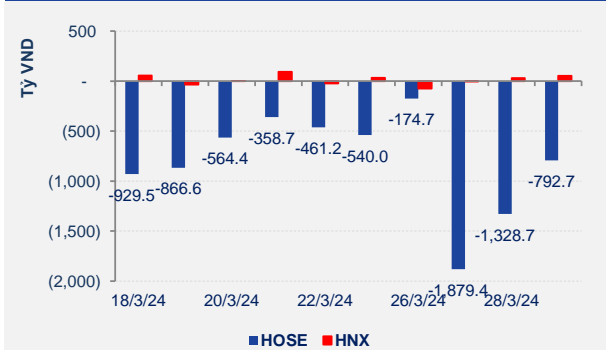
Index Tuần	HOSE	+/-	HNX	+/-
Thống kê thị trường				
Index	1,284.09 ↑	0.2%	242.58 ↑	0.4%
KLGD (trCP)	4,759.34 ↓	-18.6%	470.55 ↓	-26.4%
GTGD (tỷ VND)	124,057.86 ↓	-18.3%	10,116.63 ↓	-24.3%
Tổng cung (trCP)	11,398.50 ↓	-12.7%	822.66 ↓	-22.2%
Tổng cầu (trCP)	11,581.97 ↓	-19.2%	721.18 ↓	-18.9%

Giao dịch NĐT nước ngoài				
KL mua (trCP)	306.94 ↓	-37.2%	10.94 ↓	-38.8%
KL bán (trCP)	430.14 ↓	-24.5%	12.20 ↓	-24.5%
GT mua (tỷ VND)	10,741.69 ↓	-28.7%	343.77 ↓	-22.2%
GT bán (tỷ VND)	15,457.22 ↓	-15.2%	306.32 ↓	-12.8%

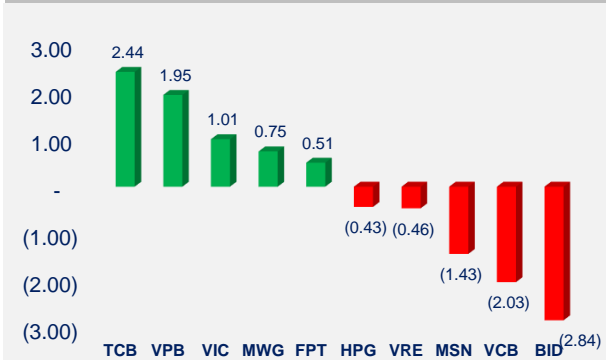
Biến động giá Ngành theo Tuần



Giá trị giao dịch mua ròng của NĐT nước ngoài



Top các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Thị trường tiếp tục tuần giao dịch khá tích cực mặc dù chịu áp lực rung lắc liên tục khi gặp vùng kháng cự rất mạnh 1.295 điểm tương ứng giá cao nhất tháng 08/2022. Kết thúc tuần VN-INDEX tăng nhẹ 0,18% so với tuần trước, ở mức 1.284,09 điểm. Đồng thời kết thúc Quý I/2024 khá tích cực khi tăng mạnh 13,64% so với cuối năm 2023 với thanh khoản cũng gia tăng tích cực. HNX-INDEX cũng kết thúc Quý I/2024 tăng 4,99% so với cuối năm 2023 lên mức 242,58 điểm. Nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn VN30 cũng có quý I giao dịch tích cực tăng mạnh 14,62% là động lực chính dẫn dắt VN-INDEX lần lượt vượt các vùng kháng cự mạnh quan trọng như 1.200 điểm, 1.250 điểm.

Trong tuần thanh khoản trên HOSE chỉ đạt 124.049,00 tỉ đồng, giảm 18,3% so với tuần trước, ở mức trung bình. Một phần nguyên nhân đến từ sự cố chưa có tiền lệ khi công ty CP chứng khoán VNDRIECT mất kết nối với sở giao dịch trong cả 05 phiên trong tuần. Nhà đầu tư nước ngoài gia tăng giao dịch đột biến trong tuần, tiếp tục bán ròng mạnh đột biến với giá trị 4.715,64 tỉ đồng trên HOSE; Đây là đang là chuỗi bán ròng đột biến liên tiếp của khối ngoại trên HOSE, mua ròng trên HNX với giá trị 37,45 tỷ đồng.

Thị trường đón nhận nhiều thông tin trong tuần như: FTSE Russell vừa công bố báo cáo phân loại thị trường với việc giữ nguyên Việt Nam trong danh sách theo dõi nâng hạng từ thị trường cận biên (Frontier Markets) lên thị trường mới nổi loại 2 (Secondary Emerging Markets). Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 3/2024 giảm 0,23% so với tháng trước, so với tháng 12/2023 tăng 1,12% và so với cùng kỳ năm trước tăng 3,97%. Tính chung quý I/2024, CPI tăng 3,77% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 2,81%. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý I/2024 ước tính tăng 5,66% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn tốc độ tăng của quý I các năm 2020-2023.

Trong tuần thị trường biến động trong biên độ hẹp trên vùng hỗ trợ quanh 1.265 điểm và kháng cự quanh 1.295 điểm với mức độ phân hóa mạnh trong từng nhóm ngành như nhóm cổ phiếu bất động sản khu công nghiệp, cao su với DPR (+7,04%), SIP (+4,44%), D2D (+4,26%)... thanh khoản gia tăng tốt và các mã chịu áp lực điều chỉnh như IDV (-3,09%), SNZ (-2,27%), KBC (-2,10%)..., thanh khoản suy giảm khá mạnh. Các cổ phiếu ngân hàng cũng phân hóa rất mạnh, tăng giá nổi bật, thanh khoản tăng mạnh như TCB (+5,90%), VPB (+5,05%), LPB (+4,46%), NAB (+3,42%)... ngoài BID (-3,87%), MSB (-3,32%), NVB (-1,85%)....

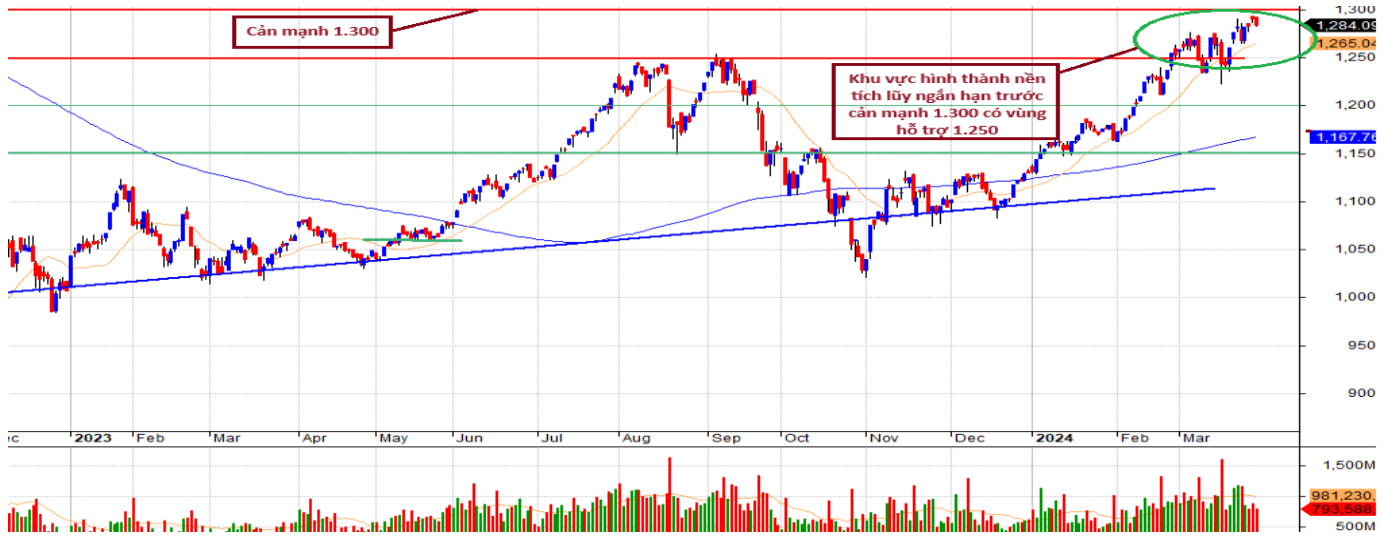
Nhóm cổ phiếu bất động sản phân hóa mạnh tương tự, đa số có diễn biến tích cực hơn với rất nhiều mã tăng giá mạnh như VRC (+24,38%), QCG (+23,53%), VPH (+7,48%), NHA (+6,54%)... ngoài các mã chịu áp lực điều chỉnh nhẹ, thanh khoản suy giảm khá mạnh với FIR (+4,49%), CSC (-3,80%), PXL (-3,45%), CEO (-2,97%)... Các cổ phiếu chứng khoán ngoài VND (-5,56%) chịu áp lực bán khá mạnh thanh khoản đột cao nhất lịch sử trong tuần này khi xảy ra sự cố mất kết nối thì đa số các mã vẫn tăng giá tốt trước những thông tin tích cực như CSI (+6,06%), AGR (+5,69%), TVB (+4,21%), HCM (+3,15%)... Các nhóm ngành khác đa số biến động trong biên độ hẹp với thanh khoản suy giảm khá mạnh.

Trên thị trường phái sinh kỳ hạn VN30F2404 kết thúc tuần ở mức 1.298,1 điểm, tăng 1,06% so với tuần trước, chênh lệch dương 1,2 điểm so với VN30. Khối lượng giao dịch giảm khá mạnh 24,49% so với tuần trước. Xu hướng ngắn hạn VN30F2404 vẫn tăng trường vượt kháng cự mạnh 1.295 điểm, giá cao nhất ngày 22/03/2024, kháng cự tiếp theo vùng giá cao nhất tháng 08/2022 quanh 1.306 điểm. Các kỳ hạn VN30F2405, VN30F2406, VN30F2409 chênh lệch từ 9,5 điểm đến 3,4 điểm so với VN30, mức chênh lệch mở rộng dương ở 04 kỳ hạn với trật tự không theo thứ tự bình thường. Cho thấy các trader vẫn đang lạc quan với xu hướng của VN30 sau nhiều phiên giao dịch biến động mạnh.

WEEKLY WRAP

Tuần GD: 25/3/2024 - 29/3/2024

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG



Thị trường vận động chặt chẽ trong tuần qua và chốt tuần VnIndex tăng nhẹ +2,29 điểm (+0,18%) và đóng cửa ở 1.284,09 điểm. Dù thị trường tăng điểm nhưng VnIndex vẫn đang trong khu vực có rung lắc mạnh bất thường khi tiệm cận cản mạnh 1.300. Chúng tôi cho rằng trong ngắn hạn VnIndex đã hội đủ điều kiện để vượt cản mạnh 1.300 tuy nhiên ngưỡng cản mạnh này có thể cần thêm nhiều nỗ lực tích lũy, trong trường hợp đó VnIndex có thể còn vận động rung lắc rũ bỏ và tích lũy thêm nhưng ngưỡng 1.250 sẽ là ngưỡng hỗ trợ tin cậy.

Xét dưới góc nhìn ngắn hạn, thị trường vẫn đang vận động tích cực nhưng chưa vượt cản 1.300, vận động của thị trường hiện tại đang trong trạng thái sẵn sàng vượt cản bởi nền tích lũy đủ tin cậy, tuy nhiên vì ngưỡng 1.300 là ngưỡng cản mạnh nên rất có thể thị trường vẫn cần tích lũy thêm. Chúng tôi có quan điểm tích cực trong ngắn hạn ngay cả khi thị trường có thêm các phiên rung lắc và tích lũy thêm thì nhịp rung lắc tiếp theo mang tính chất tăng cường tích lũy.

Về góc nhìn trung hạn VnIndex đang có đà tăng mạnh nhưng chưa thực sự xác nhận Uptrend trừ khi VnIndex vượt cản 1.300, hiện tại VnIndex đang hình thành nền tích lũy trước ngưỡng cản mạnh 1.300 và sẵn sàng để vượt cản tuy nhiên có thể thị trường cần thêm thời gian tích lũy bởi ngưỡng 1.300 là khu vực cản mạnh, khoảng nền tích lũy càng kéo dài thì quá trình vượt cản sẽ càng tin cậy. Chúng tôi cho rằng khu vực tích lũy cho nỗ lực vượt cản sẽ là vùng 1.250 - 1.300.

Tình hình vĩ mô trong nước mặc dù ổn định nhưng tăng trưởng GDP năm 2023 không đạt mục tiêu dù đà tăng trưởng đang có xu hướng được cải thiện, tăng trưởng tín dụng yếu cho thấy nền kinh tế đang có khả năng hấp thụ vốn thấp, những khó khăn đối với thị trường BDS và đặc biệt là thị trường trái phiếu vẫn chưa có bước chuyển biến căn cơ. Tình hình kinh tế toàn cầu hiện cũng đang khó lường khi kinh tế toàn cầu vẫn bất ổn và tăng trưởng thấp đặc biệt là khu vực EU có nhiều nền kinh tế bước vào suy thoái như Pháp, Đức, Hà Lan, Anh... Điểm tích cực là tình hình lạm phát đã bình ổn và FED đã phát tín hiệu dừng tăng lãi suất đồng thời để ngỏ khả năng khởi động chu kỳ giảm lãi trong năm 2024. Với tình trạng vĩ mô tốt xấu đan xen, việc thị trường hướng tới vận động tìm điểm cân bằng lại để tích lũy là phù hợp.

VnIndex tiếp tục tăng điểm tuần thứ 3 liên tiếp nhưng vẫn chưa vượt cản 1.300, thị trường đã hình thành nền tích lũy đủ tốt để vượt cản nhưng có thể khoảng thời gian tích lũy trong kênh 1.250-1.300 sẽ còn kéo dài hơn bởi ngưỡng cản 1.300 là cản mạnh và quan trọng, chúng tôi cho rằng thời gian tích lũy càng dài thì quá trình vượt cản càng tin cậy. Nhà đầu tư ngắn và trung hạn đều có thể tham gia vào thị trường ở giai đoạn hiện tại với kỳ vọng VnIndex sẽ bùng nổ vượt cản xác nhận uptrend.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp.



WEEKLY WRAP

Tuần GD:

25/3/2024

-

29/3/2024

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DỐI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trưởng Doanh thu	T.trưởng Lợi nhuận	
BWE	45.00	42.5-43.5	50-52	40	12.9	8.1%	-13.6%	Theo dõi giải ngân
PVS	39.20	37-37.8	44-45	35	21.6	27.9%	-44.8%	Theo dõi giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỜ

Ngày mở vị thế	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
11/8/2023	PHR	63.90	45.1	64-65	62	41.7%	Nắm giữ
20/12/2023	PVD	32.35	27.55	32-33	31	17.4%	Nắm giữ
27/12/2023	TNH	22.90	18.09	23-24	21	26.6%	Nắm giữ

TIN VĨ MÔ**Nhu cầu tiêu dùng sau Tết giảm kéo CPI tháng 3 giảm 0,23%**

Chỉ số giá tiêu dùng tháng 3/2024 giảm 0,23% so với tháng trước, so với tháng 12/2023 tăng 1,12% và so với cùng kỳ năm trước tăng 3,97%... Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 3 của Tổng cục thống kê công bố ngày 29/3 cho thấy, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 3/2024 giảm 0,23% so với tháng trước, so với tháng 12/2023 tăng 1,12% và so với cùng kỳ năm trước tăng 3,97%. Tính chung quý 1/2024, CPI tăng 3,77% so với cùng kỳ năm trước. Lý giải chỉ số giảm, Tổng cục Thống kê cho rằng theo quy luật tiêu dùng, nhu cầu của người dân giảm sau dịp Tết Nguyên đán khiến giá hàng hóa và dịch vụ thiết yếu trên thị trường giảm, đặc biệt là lương thực, thực phẩm.

GDP quý 1/2024 bật tăng 5,66%, cao nhất trong vòng 4 năm

GDP quý 1/2024 ước tính tăng 5,66% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn tốc độ tăng của quý 1 trong suốt 4 năm gần đây 2020-2023. Đáng chú ý, sản xuất công nghiệp tiếp đà khởi sắc, hoạt động thương mại dịch vụ sôi động đẩy tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 8,2%... Ngày 29/3, tại Hà Nội, Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê Nguyễn Thị Hương chủ trì buổi họp báo công bố số liệu thống kê kinh tế - xã hội quý 1/2024. Kinh tế - xã hội quý 1/2024 của Việt Nam đạt được kết quả tích cực trong bối cảnh kinh tế thế giới còn nhiều bất ổn, điều này khẳng định chính sách quản lý và điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành và địa phương từng bước phát huy hiệu quả.

Tăng trưởng tín dụng nhích lên, lãi suất cho vay bình quân giảm 0,6% so với cuối 2023

Theo báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý I do Tổng cục Thống kê công bố sáng 29/3, tính đến 25/3/2024 so với 31/12/2023, huy động vốn của các tổ chức tín dụng giảm 0,76%, tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế đạt 0,26%... Dù tín dụng đã thoát tăng trưởng âm (2 tháng đầu năm giảm 0,72% so với cuối 2023) nhưng vẫn thấp hơn rất nhiều so với mức tăng trưởng 1,99% cùng kỳ 2023. Theo Ngân hàng Nhà nước, tín dụng đầu năm tăng thấp chủ yếu do yếu tố mùa vụ của dịp Tết Nguyên đán và khả năng hấp thụ vốn chưa cao, tuy nhiên đã phục hồi trong tháng 3.

Việt Nam xuất siêu hơn 8 tỷ USD trong quý I

Trong đó, khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 4,49 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 12,57 tỷ USD. Theo báo cáo từ Tổng cục Thống kê, cán cân thương mại hàng hóa sơ bộ tháng 2 xuất siêu 1,38 tỷ USD, hai tháng xuất siêu 5,15 tỷ USD; tháng 3 ước tính xuất siêu 2,93 tỷ USD. Tính chung quý I, cán cân thương mại hàng hóa ước tính xuất siêu 8,08 tỷ USD (cùng kỳ năm trước xuất siêu 4,93 tỷ USD). Trong đó, khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 4,49 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 12,57 tỷ USD. Cơ quan thống kê cho biết kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 2 sơ bộ đạt 24,69 tỷ USD, thấp hơn 135 triệu USD so với số ước tính.

TIN DOANH NGHIỆP

Đèo Cả (HHV): Quý I/2024 ước lãi tăng trưởng 32%

Công ty cổ phần Hạ tầng giao thông Đèo Cả (mã cổ phiếu HHV) cho biết, trong quý I/2024, Công ty ước đạt doanh thu 669 tỷ đồng, tăng 24% so với cùng kỳ. Lợi nhuận sau thuế quý I/2024 ước đạt 109 tỷ đồng, tăng trưởng 32% so với quý I/2023. Được biết, Công ty cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) vừa công bố Top 10 Công ty xây dựng năm 2024, trong đó HHV lọt vào danh sách Top 10 nhà thầu xây dựng hạ tầng – công nghiệp năm 2024.

Chủ tịch Hoá chất Đức Giang: Cổ phiếu đang trên đỉnh là tín hiệu mừng cho NĐT lướt sóng và dài hạn, ước lãi 700 tỷ quý I

Chốt phiên 28/3, cổ phiếu DGC của Hoá chất Đức Giang đang ở trên vùng đỉnh lịch sử (giá sau điều chỉnh) với 123.900 đồng/cp. Sáng 29/3, CTCP Hóa chất Đức Giang (Mã: DGC) đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên 2024 tại TP Hà Nội. Năm 2024, Hoá chất Đức Giang đặt mục tiêu tổng doanh thu hợp nhất 10.202 tỷ đồng, tăng gần 5% so với thực hiện 2023 song lợi nhuận sau thuế dự kiến giảm 4,4% còn 3.100 tỷ đồng. Cổ tức năm 2024 dự kiến duy trì mức 30% như năm 2023, tương ứng số tiền dự chi khoảng 1.140 tỷ đồng.

Chủ tịch REE Corp: Chưa có kế hoạch IPO mảng điện, phải kiếm tiền từ kinh tế tuần hoàn

Lãnh đạo công ty nói sẽ tiếp tục thoái vốn mảng nhiệt điện than để hướng đến dạng năng lượng sạch, dù vậy công ty chưa có kế hoạch IPO cho mảng điện do công suất chưa quá lớn. Sáng ngày 29/3, Công ty cổ phần Cơ điện lạnh (Mã: REE) đã tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để thảo luận về kết quả và định hướng kinh doanh năm 2024, giải đáp các vấn đề của cổ đông liên quan đến hoạt động chung. Trong năm 2024, ban lãnh đạo công ty đề ra kế hoạch kinh doanh khá thận trọng với chỉ tiêu doanh thu 10.588 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 2.409 tỷ đồng, lần lượt tăng 23% và 10% so với thực hiện năm ngoái.

MBS hé lộ kết quả kinh doanh quý 1 tăng ít nhất 30%

CEO MBS cho biết các chỉ tiêu kinh doanh quý 1 của Công ty đạt được khá tích cực với mức tăng trưởng tối thiểu 30% so với cùng kỳ năm trước. Sáng 28/03, ĐHCĐ thường niên năm 2024 của MBS được tổ chức tại Hà Nội và tất cả các tờ trình đều được thông qua. CEO MBS cho biết các chỉ tiêu kinh doanh quý 1 của MBS đạt được khá tích cực với mức tăng trưởng tối thiểu 30% so với cùng kỳ năm trước. Năm nay, Công ty đặt mục tiêu doanh thu 2,786 tỷ đồng và lãi trước thuế 930 tỷ đồng, lần lượt tăng 53% và 36% so với thực hiện năm 2023. Nếu thành công, đây sẽ là mức lãi kỷ lục từ trước đến nay của MBS.

HOSE
Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	VPB	7,756,611	VND	(34,844,296)
2	PDR	4,798,726	MSN	(20,921,518)
3	SSI	3,953,289	VHM	(17,116,329)
4	HCM	2,358,015	VRE	(13,229,916)
5	VSC	2,039,048	VNM	(8,064,192)

HNX

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PVS	1,614,967	SHS	(3,526,038)
2	IDC	636,790	CEO	(474,340)
3	DTD	393,900	HUT	(311,527)
4	MBS	368,850	VC7	(280,000)
5	TNG	344,456	TA9	(273,100)

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong tuần

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
NVL	17.10	17.25	↑ 0.88%	295,635,700
VND	24.30	22.95	↓ -5.56%	282,758,900
VIX	20.15	20.55	↑ 1.99%	170,289,500
VPB	18.80	19.75	↑ 5.05%	147,344,300
EIB	18.40	18.40	⇒ 0.00%	130,304,041

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHS	20.00	20.10	↑ 0.50%	116,925,123
CEO	23.60	22.90	↓ -2.97%	67,277,213
PVS	38.50	39.20	↑ 1.82%	41,441,099
HUT	19.20	19.40	↑ 1.04%	24,859,979
MBS	29.70	30.30	↑ 2.02%	20,947,527

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong tuần

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SVD	2.50	3.47	1.0	↑ 38.80%
VCF	190.00	240.00	50.0	↑ 26.32%
VRC	10.05	12.50	2.5	↑ 24.38%
QCG	10.20	12.60	2.4	↑ 23.53%
CLW	32.50	37.25	4.8	↑ 14.62%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
L43	2.50	3.60	1.1	↑ 44.00%
HMR	15.70	22.50	6.8	↑ 43.31%
DC2	5.00	6.60	1.6	↑ 32.00%
UNI	7.30	9.30	2.0	↑ 27.40%
L62	2.30	2.90	0.6	↑ 26.09%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong tuần

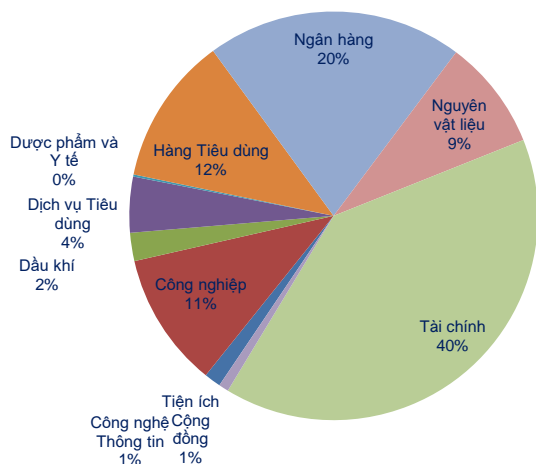
Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
RDP	8.00	6.53	-1.5	↓ -18.38%
AGM	8.05	6.71	-1.3	↓ -16.65%
HU1	5.88	5.22	-0.7	↓ -11.22%
SRC	32.40	28.80	-3.6	↓ -11.11%
APC	7.87	7.00	-0.9	↓ -11.05%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VNC	44.60	37.40	-7.2	↓ -16.14%
PEN	8.20	6.90	-1.3	↓ -15.85%
KTT	4.40	3.80	-0.6	↓ -13.64%
SFN	20.70	18.20	-2.5	↓ -12.08%
MCO	29.80	26.50	-3.3	↓ -11.07%

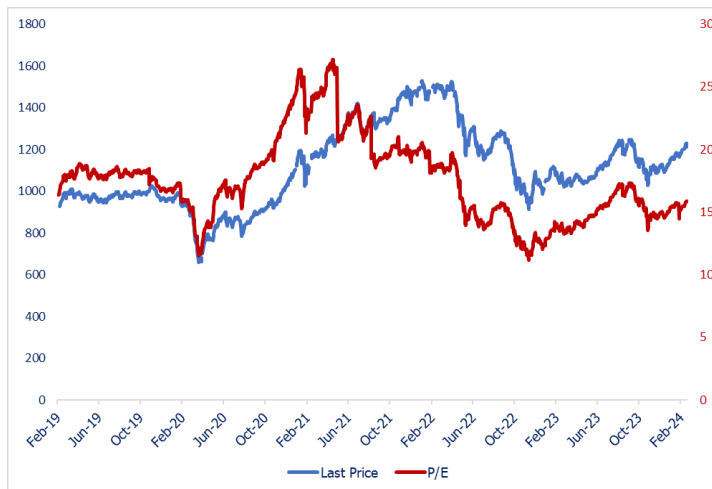
(*) Giá điều chỉnh



Giá trị giao dịch tuần theo Ngành



P/E và Thị Trường



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
NVL	295,635,700	1.8%	413	42.8	0.8
VND	282,758,900	13.0%	1,657	14.0	1.7
VIX	170,289,500	11.6%	1,444	14.5	1.6
VPB	147,344,300	8.3%	1,445	13.6	1.1
EIB	130,304,041	10.1%	1,244	14.9	1.4

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	116,925,123	5.7%	688	30.0	1.6
CEO	67,277,213	3.0%	402	58.2	1.9
PVS	41,441,099	7.7%	2,148	18.2	1.4
HUT	24,859,979	0.6%	82	240.6	1.6
MBS	20,947,527	12.3%	1,334	23.1	2.7

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
SVD	↑ 38.8%	-13.8%	-1,320	-	0.4
VCF	↑ 26.3%	23.8%	16,929	13.9	3.0
VRC	↑ 24.4%	0.0%	4	3,276.9	0.5
QCG	↑ 23.5%	0.3%	44	290.9	0.8
CLW	↑ 14.6%	21.9%	3,735	9.3	2.0

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
L43	↑ 44.0%	-54.5%	-3,761	-	0.7
HMR	↑ 43.3%	8.5%	1,171	17.5	1.5
DC2	↑ 32.0%	1.4%	146	41.1	0.6
UNI	↑ 27.4%	0.4%	44	194.2	0.8
L62	↑ 26.1%	-940.8%	-14,214	-	0.0

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	7,756,611	8.3%	1,445	13.6	1.1
PDR	4,798,726	7.3%	1,008	31.9	2.5
SSI	3,953,289	10.1%	1,531	25.6	2.5
HCM	2,358,015	8.3%	1,161	25.9	2.1
VSC	2,039,048	3.9%	790	29.6	1.3

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	1,614,967	7.7%	2,148	18.2	1.4
IDC	636,790	22.6%	4,221	13.9	3.1
DTD	393,900	19.5%	4,328	7.0	1.2
MBS	368,850	12.3%	1,334	23.1	2.7
TNG	344,456	12.9%	1,988	11.3	1.4

Top Vốn hóa HOSE

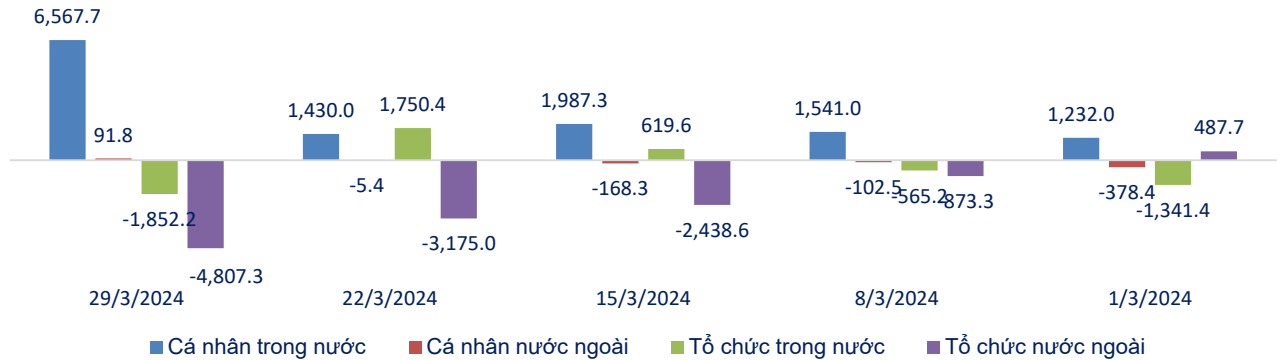
Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	534,876	21.7%	5,910	16.2	3.2
BID	299,843	19.0%	3,781	13.9	2.4
CTG	191,977	17.0%	3,723	9.6	1.5
VHM	188,544	20.2%	7,664	5.6	1.0
GAS	184,428	18.4%	5,053	15.9	2.8

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
IDC	19,404	22.6%	4,221	13.9	3.1
PVS	18,641	7.7%	2,148	18.2	1.4
HUT	17,582	0.6%	82	240.6	1.6
SHS	16,751	5.7%	688	30.0	1.6
THD	13,552	3.0%	470	74.9	2.2



Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 tuần gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MSN	1,531.65	1.1%	293	259.0	2.8
VND	792.89	13.0%	1,657	14.0	1.7
VHM	691.82	20.2%	7,664	5.6	1.0
NVL	607.20	1.8%	413	42.8	0.8
VNM	508.37	26.2%	4,248	15.9	4.0

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
PDR	-199.63	7.3%	1,008	31.9	2.5
SSI	-195.73	10.1%	1,531	25.6	2.5
MWG	-174.62	0.7%	115	445.0	3.2
PAC	-171.79	12.3%	2,479	12.1	1.5
VPB	-119.87	8.3%	1,445	13.6	1.1

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
PNJ	48.43	21.6%	5,982	16.3	3.3
MBB	37.16	23.5%	3,963	6.4	1.4
GEX	27.16	1.6%	388	63.9	1.0
VIX	16.62	11.6%	1,444	14.5	1.6
BCM	12.98	13.2%	2,359	27.7	3.5

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MWG	-40.27	0.7%	115	445.0	3.2
VND	-27.76	13.0%	1,657	14.0	1.7
VNM	-9.32	26.2%	4,248	15.9	4.0
SKG	-8.41	8.1%	1,101	13.5	1.1
FRT	-8.41	-18.3%	(2,537)	-	12.4

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
PAC	171.98	12.3%	2,479	12.1	1.5
FUEVFVND	110.66	N/A	N/A	N/A	N/A
NAB	95.65	18.8%	2,478	6.7	1.1
FUESSVFL	86.37	N/A	N/A	N/A	N/A
MWG	79.62	0.7%	115	445.0	3.2

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
NVL	-643.10	1.8%	413	42.8	0.8
EVF	-413.00	5.1%	748	21.9	1.4
GEX	-241.14	1.6%	388	63.9	1.0
MSB	-181.47	16.0%	2,322	6.4	1.0
TCB	-174.57	14.7%	5,118	9.4	1.3

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

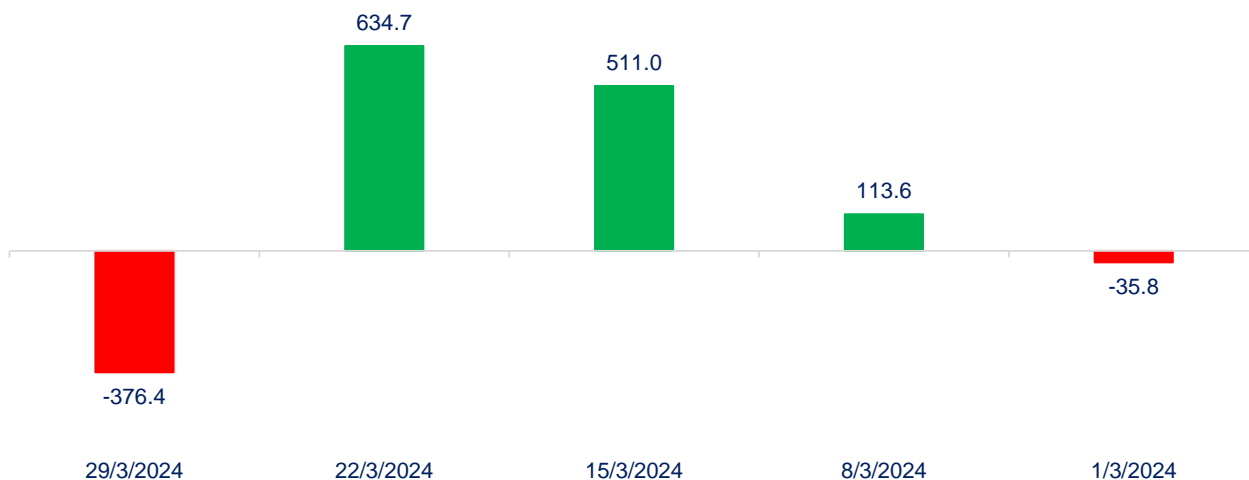
Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	155.76	10.1%	1,531	25.6	2.5
PDR	154.14	7.3%	1,008	31.9	2.5
VPB	153.84	8.3%	1,445	13.6	1.1
MWG	135.28	0.7%	115	445.0	3.2
HCM	74.05	8.3%	1,161	25.9	2.1

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

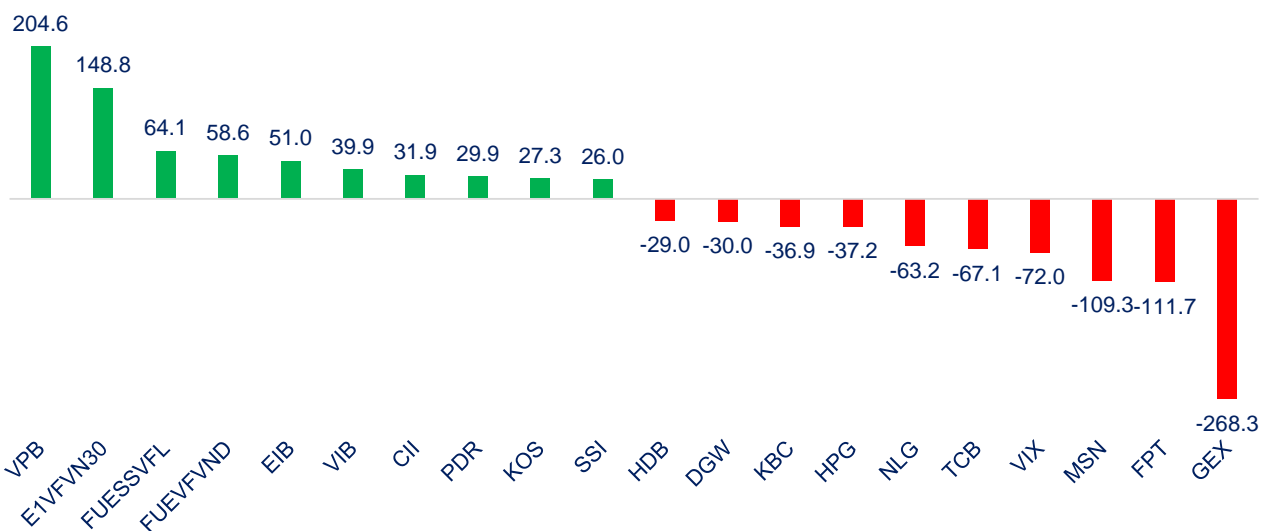
Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MSN	-1,517.10	1.1%	293	259.0	2.8
VND	-779.33	13.0%	1,657	14.0	1.7
VHM	-742.68	20.2%	7,664	5.6	1.0
VNM	-536.69	26.2%	4,248	15.9	4.0
VRE	-344.26	12.4%	1,940	13.2	1.5



Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 tuần gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





LỊCH SỰ KIỆN TRONG TUẦN

Ngày thông báo	Ngày thực hiện	Ngày ĐKCC	Ngày GDKHQ	Mã CK	Loại sự kiện
4/12/2023	29/3/2024	8/12/2023	7/12/2023	DNH	Trả cổ tức bằng tiền mặt
29/12/2023	29/3/2024	22/1/2024	19/1/2024	TMP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19/1/2024	29/3/2024	15/2/2024	7/2/2024	SCY	Đại hội Đồng Cổ đông
26/1/2024	29/3/2024	26/2/2024	23/2/2024	SVI	Đại hội Đồng Cổ đông
29/1/2024	29/3/2024	26/2/2024	23/2/2024	BSD	Đại hội Đồng Cổ đông
26/1/2024	29/3/2024	29/2/2024	28/2/2024	FOX	Trả cổ tức bằng tiền mặt
30/1/2024	29/3/2024	20/2/2024	19/2/2024	DGC	Đại hội Đồng Cổ đông
2/2/2024	29/3/2024	27/2/2024	26/2/2024	TMC	Đại hội Đồng Cổ đông
1/2/2024	29/3/2024	23/2/2024	22/2/2024	DAN	Đại hội Đồng Cổ đông
1/2/2024	29/3/2024	22/2/2024	21/2/2024	CCI	Đại hội Đồng Cổ đông
19/2/2024	29/3/2024	1/3/2024	29/2/2024	REE	Đại hội Đồng Cổ đông
6/2/2024	29/3/2024	27/2/2024	26/2/2024	DNW	Đại hội Đồng Cổ đông
7/2/2024	29/3/2024	26/2/2024	23/2/2024	NSL	Đại hội Đồng Cổ đông
6/2/2024	29/3/2024	27/2/2024	26/2/2024	APL	Đại hội Đồng Cổ đông
16/2/2024	29/3/2024	26/2/2024	23/2/2024	HCB	Đại hội Đồng Cổ đông
20/2/2024	29/3/2024	28/2/2024	27/2/2024	NAB	Đại hội Đồng Cổ đông
16/2/2024	29/3/2024	28/2/2024	27/2/2024	GVR	Đại hội Đồng Cổ đông
19/2/2024	29/3/2024	27/2/2024	26/2/2024	SMA	Đại hội Đồng Cổ đông
19/2/2024	29/3/2024	26/2/2024	23/2/2024	TLT	Đại hội Đồng Cổ đông
29/2/2024	29/3/2024	19/3/2024	18/3/2024	TSD	Đại hội Đồng Cổ đông
1/3/2024	29/3/2024	15/3/2024	14/3/2024	BTP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6/3/2024	29/3/2024	15/3/2024	14/3/2024	NT2	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20/2/2024	29/3/2024	4/3/2024	1/3/2024	SEA	Đại hội Cổ đông Bất thường
29/12/2023	30/3/2024	15/2/2024	7/2/2024	QNS	Đại hội Đồng Cổ đông
16/1/2024	30/3/2024	1/2/2024	31/1/2024	THP	Đại hội Đồng Cổ đông
5/2/2024	30/3/2024	27/2/2024	26/2/2024	LPT	Đại hội Đồng Cổ đông
1/2/2024	30/3/2024	27/2/2024	26/2/2024	LBE	Đại hội Đồng Cổ đông
19/2/2024	30/3/2024	27/2/2024	26/2/2024	CAT	Đại hội Đồng Cổ đông
20/2/2024	30/3/2024	28/2/2024	27/2/2024	VCC	Đại hội Đồng Cổ đông
19/5/2021	1/4/2024	29/3/2024	29/3/2024	TN1	Niêm yết thêm



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
